



Số: 00053/2023/KQTN-03 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 27/02/2023

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ĐẠI HOA
2. Địa chỉ : Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 39, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
3. Ngày lấy mẫu : 20/02/2023
4. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
5. Loại mẫu : Khí thải
6. Kết quả đo đạc, phân tích :

Vị trí đo	Toluene (mg/Nm ³)	Etyl acetate (mg/Nm ³)	n-Butyl acetate (mg/Nm ³)	Methyl acetate (mg/Nm ³)
Ổng thải sau HTXL hơi dung môi 2 (X: 106°46'26"; Y: 11°4'22")	10,42	16,83	11,61	7,33
Ổng thải sau HTXL hơi dung môi 3 (X: 106°46'25"; Y: 11°4'22")	9,87	14,35	12,17	8,25
Ổng thải sau HTXL hơi dung môi 4 (X: 106°46'27"; Y: 11°4'22")	9,37	13,22	14,87	7,12
Ổng thải sau HTXL hơi dung môi 5 (X: 106°46'25"; Y: 11°4'23")	10,98	10,83	17,38	9,02
Ổng thải sau HTXL hơi dung môi 6 (X: 106°46'27"; Y: 11°4'22")	10,51	15,74	17,23	7,01
Ổng thải sau HTXL hơi dung môi 7 (X: 106°46'25"; Y: 11°4'23")	8,23	13,9	12,78	9,71
Ổng thải sau HTXL hơi dung môi 9 (X: 106°46'31"; Y: 11°4'26")	6,92	16,81	13,47	9,77
Ổng thải sau HTXL hơi dung môi 13 (X: 106°46'31"; Y: 11°4'27")	7,63	14,49	17,24	7,11
Ổng thải sau HTXL hơi dung môi 14 (X: 106°46'32"; Y: 11°4'26")	11,52	16,26	14,85	10,21
Ổng thải sau HTXL hơi dung môi 15 (X: 106°46'321"; Y: 11°4'25")	9,72	15,91	10,83	6,85
Ổng thải sau HTXL hơi dung môi 17 (X: 106°46'30"; Y: 11°4'24")	8,35	12,75	14,71	8,62
Ổng thải số 1 sau HTXL xuong gia công để (X: 106°46'26"; Y: 11°4'23")	8,06	14,42	13,4	17,22
QCVN 20:2009/BTNMT	≤ 750	≤ 1400	≤ 950	≤ 610
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	US EPA Method 0010*	US EPA Method 18*	US EPA Method 0010*	US EPA Method 18*

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- (*) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ Vincerts 026
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THUY NHUNG



NGUYỄN THỊ HUỖN



Số: 00053/2023/KQTN-03 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 27/02/2023

- 1 Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ĐẠI HOA
- 2 Địa chỉ : Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 39, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- 3 Ngày lấy mẫu : 20/02/2023
- 4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- 5 Loại mẫu : Nước thải
- 6 Ký hiệu và mô tả mẫu : NT01: Nước thải sau HTXL (X:106°46'32"; Y:11°4'25")
- 7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
 TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
 TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
 TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT01	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A	
1.	pH	-	6,84	6 – 9	TCVN 6492:2011
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	19	50	TCVN 6625:2000
3.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	27	75	SMEWW 5220C:2017
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	15	30	TCVN 6001-1: 2008
5.	Dầu mỡ khoáng	mg/L	2,4	5	SMEWW 5520B&F:2017
6.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH MDL=0,03	-	SMEWW 5540B&C:2017*
7.	Tổng Coliform	MPN /100mL	24×10 ²	3.000	TCVN 6187-2:2009

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- (*) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ Vimecerts 117
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THUY NHUNG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

